

Số: 38/2025/QĐST-HNGĐ

T, ngày 24 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 32/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Chung Yến N, sinh năm: 1996; Nơi ĐKTT: Ấp M, xã P, huyện T, Đồng Tháp; Nơi ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Võ Thanh T, sinh năm: 1996; địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa: Chị Chung Yến N và anh Võ Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Chung Yến N và anh Võ Thanh T tự nguyện ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Võ Chung Phước T1, sinh ngày 30/9/2019 cho anh Võ Thanh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung tên Phước T1 cùng anh T.

Anh Võ Thanh T và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Chung Yến N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Chung Yến N là người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con của anh Võ Thanh T.

2.3. Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Chung Yến N tự nguyện nộp đủ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001147, ngày 07/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị N được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Phú Điền (GCNKH số 13 ngày 31/01/2018);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (K. Ngọc), VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Ngọc